

Số: **24** /2017/QĐ-UBND

Bình Định, ngày 06 tháng 7 năm 2017

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy chế phối hợp trong việc cung cấp văn bản quy phạm pháp luật do Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành để cập nhật vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về pháp luật

SỞ TƯ PHÁP

Số: 2231

Ngày: 10/7/17

Chuyên:

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH ĐỊNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Nghị định số 52/2015/NĐ-CP ngày 28 tháng 5 năm 2015 của Chính phủ về cơ sở dữ liệu quốc gia về pháp luật;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tư pháp.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế phối hợp trong việc cung cấp văn bản quy phạm pháp luật do Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành để cập nhật vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về pháp luật.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 16 tháng 7 năm 2017.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Tư pháp, Thủ trưởng các sở, ban, ngành thuộc tỉnh và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Văn phòng Chính phủ;
- Cục Kiểm tra văn bản - Bộ Tư pháp;
- TT Tỉnh ủy; TT HĐND tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Văn phòng HĐND tỉnh;
- Ủy ban MTTQVN tỉnh;
- TTH, TTCB;
- Lưu: VT, K2.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

**KT, CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Trần Châu

QUY CHẾ

Phối hợp trong việc cung cấp văn bản quy phạm pháp luật
do Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành
để cập nhật vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về pháp luật
(Ban hành kèm theo Quyết định số 24 /2017/QĐ-UBND ngày 06/ 7 /2017
của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Định)

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy chế này quy định nguyên tắc, nội dung, trách nhiệm trong việc phối hợp cung cấp văn bản quy phạm pháp luật do Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành để cập nhật vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về pháp luật.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Văn phòng Hội đồng nhân dân tỉnh, Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; các sở, ban, ngành thuộc tỉnh và các cơ quan, đơn vị có liên quan trong việc cung cấp, cập nhật văn bản quy phạm pháp luật vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về pháp luật.

Điều 3. Nguyên tắc phối hợp

Văn phòng Hội đồng nhân dân tỉnh, Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; các sở, ban, ngành thuộc tỉnh và các cơ quan, đơn vị có liên quan chủ động cung cấp đầy đủ, kịp thời, chính xác, đúng thời gian quy định đối với các văn bản quy phạm pháp luật do cơ quan mình chủ trì soạn thảo được Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành để Sở Tư pháp cập nhật vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về pháp luật.

Điều 4. Nội dung phối hợp

Văn phòng Hội đồng nhân dân tỉnh, Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; các sở, ban, ngành thuộc tỉnh chủ trì soạn thảo văn bản và các cơ quan có liên quan cung cấp văn bản quy phạm pháp luật do Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành để Sở Tư pháp kịp thời thực hiện việc cập nhật vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về pháp luật.

Điều 5. Văn bản cung cấp để thực hiện việc cập nhật

Văn bản cung cấp để cập nhật vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về pháp luật là các văn bản quy phạm pháp luật do Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành, trừ các văn bản quy phạm pháp luật thuộc danh mục văn bản, tài liệu bí mật nhà nước hoặc văn bản quy định không được đăng tải công khai trên mạng.

Thu

Chương II
THỜI HẠN CUNG CẤP, CẬP NHẬT VÀ HIỆU ĐÍNH VĂN BẢN
VÀO CƠ SỞ DỮ LIỆU QUỐC GIA VỀ PHÁP LUẬT

Điều 6. Thời hạn cung cấp văn bản

1. Trong thời hạn 02 ngày làm việc, kể từ ngày văn bản quy phạm pháp luật được Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh ký ban hành hoặc công bố, Văn phòng Hội đồng nhân dân tỉnh, Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh phải gửi bản chính văn bản giấy (gọi tắt là văn bản giấy) và cơ quan chủ trì soạn thảo phải gửi văn bản điện tử định dạng word (gọi tắt là văn bản điện tử) đến Sở Tư pháp để thực hiện việc cập nhật văn bản.

2. Những văn bản quy phạm pháp luật dưới đây phải được Văn phòng Hội đồng nhân dân tỉnh, Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh gửi ngay trong ngày ký ban hành đến Sở Tư pháp bằng văn bản giấy và văn bản điện tử để thực hiện việc cập nhật văn bản:

a) Văn bản quy định các biện pháp thi hành trong tình trạng khẩn cấp; văn bản được ban hành để kịp thời đáp ứng yêu cầu phòng, chống thiên tai, dịch bệnh theo quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015;

b) Văn bản có hiệu lực kể từ ngày công bố hoặc ký ban hành.

Điều 7. Thời hạn cập nhật và hiệu đính văn bản

1. Trong thời hạn 15 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản quy phạm pháp luật được công bố hoặc đã ký ban hành, Sở Tư pháp phải cập nhật văn bản vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về pháp luật.

2. Trong thời hạn 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản quy định tại khoản 2 Điều 6 Quy chế này, Sở Tư pháp phải cập nhật văn bản vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về pháp luật.

3. Trong thời hạn 01 ngày làm việc, kể từ ngày phát hiện hoặc nhận được thông báo có sự khác nhau giữa các thông tin cơ bản của văn bản trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về pháp luật với bản chính văn bản thì Sở Tư pháp phải tiến hành đính chính và thông báo công khai nội dung đính chính trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về pháp luật.

Chương III

TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC CƠ QUAN TRONG VIỆC CUNG CẤP,
CẬP NHẬT VĂN BẢN VÀO CƠ SỞ DỮ LIỆU QUỐC GIA VỀ PHÁP LUẬT

Điều 8. Trách nhiệm của Văn phòng Hội đồng nhân dân tỉnh, Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh và các sở, ban, ngành thuộc tỉnh

1. Cung cấp kịp thời, đầy đủ, chính xác văn bản giấy và văn bản điện tử cho Sở Tư pháp (văn bản điện tử gửi qua địa chỉ email: xdk tvb@stp.binhdinh.gov.vn) để thực hiện cập nhật vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về pháp luật.

vu

2. Văn phòng Hội đồng nhân dân tỉnh phối hợp cung cấp bản giấy văn bản quy phạm pháp luật do Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành cho Sở Tư pháp để kiểm tra, đối chiếu; đồng thời, phối hợp cung cấp văn bản điện tử cho các cơ quan chủ trì soạn thảo để kịp thời cung cấp cho Sở Tư pháp thực hiện việc cập nhật văn bản.

3. Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh có trách nhiệm cung cấp bản giấy văn bản quy phạm pháp luật do Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành; đồng thời phối hợp cung cấp văn bản điện tử cho các cơ quan chủ trì soạn thảo để đối chiếu với bản chính, điều chỉnh và kịp thời cung cấp cho Sở Tư pháp thực hiện việc cập nhật văn bản. Trường hợp Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh là cơ quan chủ trì soạn thảo văn bản quy phạm pháp luật do Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành thì phải gửi văn bản giấy và văn bản điện tử cho Sở Tư pháp để thực hiện việc cập nhật văn bản. Trường hợp Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh là cơ quan chủ trì soạn thảo văn bản quy phạm pháp luật do Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành thì phối hợp với Văn phòng Hội đồng nhân dân tỉnh cung cấp văn bản điện tử để đối chiếu, điều chỉnh và gửi đến Sở Tư pháp thực hiện việc cập nhật văn bản.

4. Các sở, ban, ngành chủ trì, phối hợp với Văn phòng Hội đồng nhân dân tỉnh, Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh để cập nhật, kiểm tra, đối chiếu, điều chỉnh và gửi văn bản điện tử đến Sở Tư pháp thực hiện việc cập nhật văn bản; trường hợp phát hiện có sai sót của văn bản được đăng tải so với bản chính của văn bản thì kịp thời thông báo bằng văn bản về Sở Tư pháp hoặc qua địa chỉ email: xdk tvb@stp.binhdingh.gov.vn để thực hiện việc hiệu đính văn bản.

Điều 9. Trách nhiệm của Sở Thông tin và Truyền thông

1. Phối hợp với Cục Công nghệ thông tin - Bộ Tư pháp trong việc bảo đảm an toàn, chia sẻ, kết nối, tích hợp và trích xuất dữ liệu văn bản quy phạm pháp luật theo quy định.

2. Giúp Ủy ban nhân dân tỉnh hoàn thành việc trích xuất từ Cơ sở dữ liệu quốc gia về pháp luật về Trang hoặc Mục văn bản quy phạm pháp luật trên cổng thông tin điện tử của tỉnh.

Điều 10. Trách nhiệm của Sở Tư pháp

1. Giúp Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện việc cập nhật văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành bảo đảm tính chính xác về nội dung và các thông tin có liên quan đến văn bản.

2. Cập nhật đầy đủ các thông tin của văn bản vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về pháp luật; thực hiện theo quy trình và kiểm tra, rà soát kết quả cập nhật, các thông tin văn bản đã được cập nhật theo quy định tại khoản 2 Điều 3, khoản 1 Điều 14, Điều 15 Nghị định số 52/2015/NĐ-CP ngày 28/5/2015 của Chính phủ về Cơ sở dữ liệu quốc gia về pháp luật và Điều 144 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày

bu

14/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật.

3. Bảo đảm an toàn tài khoản quản trị cơ sở dữ liệu quốc gia về pháp luật.

4. Định kỳ tháng 12 hàng năm, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo về tình hình cập nhật và khai thác văn bản trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về pháp luật gửi Bộ Tư pháp.

Chương IV **TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

Điều 11. Kinh phí thực hiện việc quản lý, duy trì, cập nhật văn bản trên cơ sở dữ liệu quốc gia về pháp luật

1. Kinh phí thực hiện việc quản lý, duy trì, cập nhật văn bản vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về pháp luật cho các cơ quan, đơn vị nhà nước ở địa phương do ngân sách nhà nước bảo đảm theo phân cấp.

2. Kinh phí cập nhật văn bản được thực hiện theo Thông tư số 194/2012/TT-BTC ngày 15/11/2012 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn mức chi tạo lập thông tin điện tử nhằm duy trì hoạt động thường xuyên của cơ quan, đơn vị sử dụng ngân sách nhà nước và các văn bản quy phạm pháp luật khác có liên quan.

Điều 12. Trách nhiệm thi hành

1. Giám đốc Sở Tư pháp có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh tham mưu giúp Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai, đôn đốc, theo dõi và báo cáo kết quả thực hiện quy chế này.

2. Thủ trưởng các sở, ban, ngành tổ chức triển khai thực hiện đảm bảo hiệu quả các nội dung Quy chế phối hợp này tại cơ quan, đơn vị mình.

3. Trong quá trình thực hiện, nếu có phát sinh khó khăn, vướng mắc, Thủ trưởng các sở, ban, ngành và các cơ quan có liên quan phản ánh kịp thời về Ủy ban nhân dân tỉnh (qua Sở Tư pháp) để xem xét, giải quyết. /

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Trần Châu